

TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA
TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

**BẢN TIN CẢNH BÁO, DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC DƯỚI ĐẤT
MÙA KHÔ NĂM 2026
PHẠM VI: KHU VỰC PHÍA NAM LƯU VỰC SÔNG CẢ**

**TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC
GIÁM ĐỐC**



Lê Thị Mai Vân

NĂM 2026

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG.....	3
1.1. Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo.....	3
1.2. Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo.....	3
1.2.1. Đặc điểm nguồn nước dưới đất	3
1.2.2. Mực nước dưới đất	3
1.2.3. Chất lượng nước dưới đất.....	10
II. CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC	15
2.1. Dự báo nguồn nước dưới đất.....	15
2.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh).....	15
2.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene (qp)	16
2.1.3. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Trias giữa (t ₂).....	17
2.1.4. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p).....	18
2.2. Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước dưới đất	19
2.3. Cảnh báo nguồn nước dưới đất.....	19
III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	19

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo

Bản tin cảnh báo, dự báo nguồn nước dưới đất mùa trên lưu vực sông Cả (do đặc điểm khí hậu nên được chia thành khu vực phía Nam lưu vực sông Cả và Bắc lưu vực sông Cả) được biên soạn 1 năm 2 lần vào mùa mưa và mùa khô để cung cấp các thông tin về mực nước, chất lượng nước dưới đất nhằm phục vụ các mục đích quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên nước và các mục đích khác theo quy định pháp luật.

Khu vực phía Nam lưu vực sông Cả là một trong những lưu vực sông ở Việt Nam với diện tích lưu vực 27.200km². Mùa khô trên lưu vực diễn ra từ tháng 1 đến tháng 8, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12. Nội dung chính của bản tin mùa khô bao gồm: Thông báo mực nước và chất lượng nước mùa mưa năm 2025; dự báo mực nước dưới đất mùa khô năm 2026 tại các tầng chứa nước, đưa ra những cảnh báo về tài nguyên nước như mực nước, chất lượng nước mùa mưa trong phạm vi 30 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

1.2. Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo

1.2.1. Đặc điểm nguồn nước dưới đất

Nguồn nước dưới đất trên lưu vực sông Cả phân bố chủ yếu trong các tầng chứa nước gồm: tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh), tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp), tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Trias giữa (t₂) và tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p). Tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước qh là 750.567,5 m³/ngày, tầng chứa nước qp là 234.584,3 m³/ngày, tầng chứa nước t₂ là 113.041,7 m³/ngày và tầng chứa nước c-p là 26,8 m³/ngày.

1.2.2. Mực nước dưới đất

1.2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

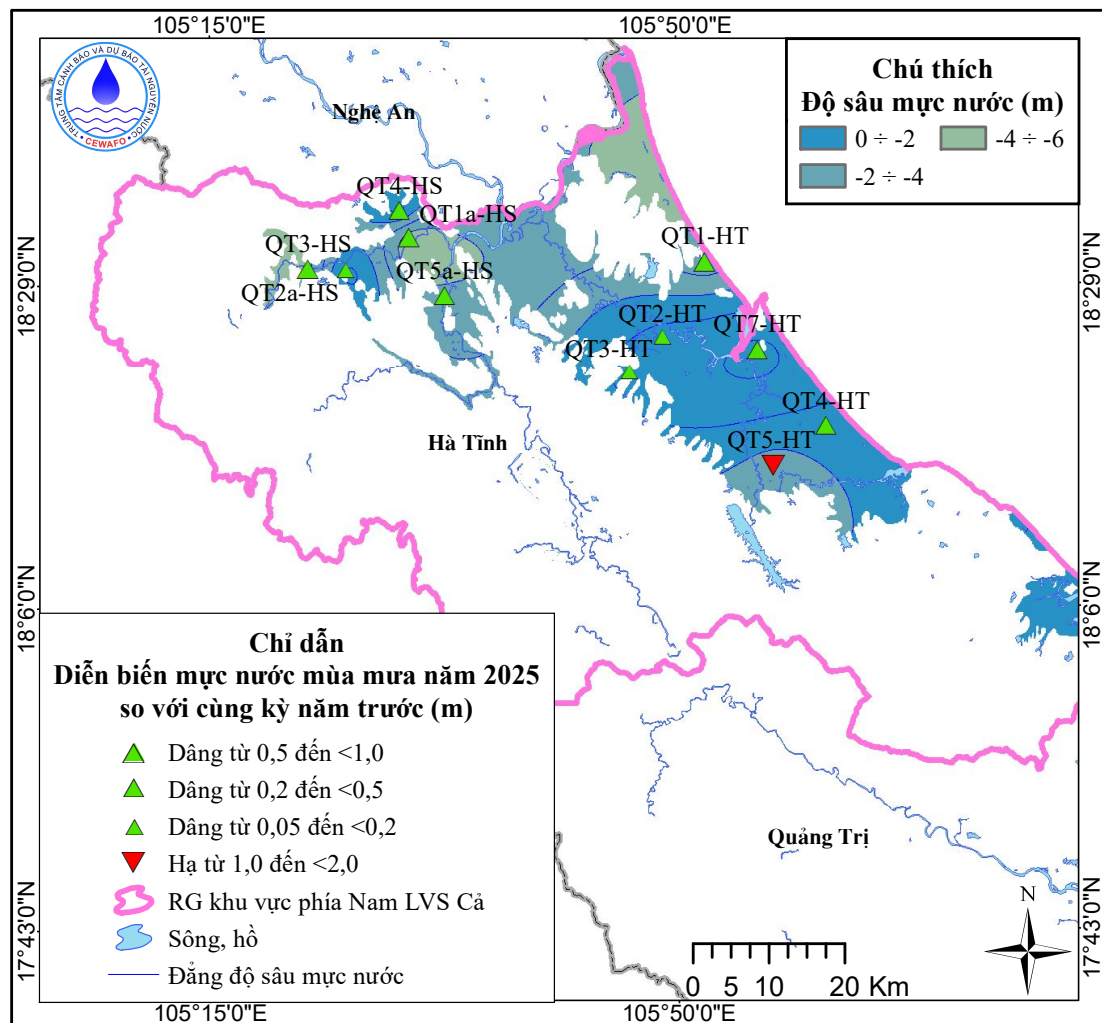
Trong mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025: Mực nước trung bình tháng nông nhất là 0,20m tại xã Thạch Khê (QT7-HT) và sâu nhất là -4,65m tại xã Hương Sơn (QT1a-HS).

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình mùa mưa so với cùng thời điểm 1 năm và 5 năm trước cho thấy mực nước suy giảm lớn nhất lần lượt là 1,33m; 1,41m tại xã Cẩm Bình. Chi tiết được thể hiện trong bảng và hình sau.

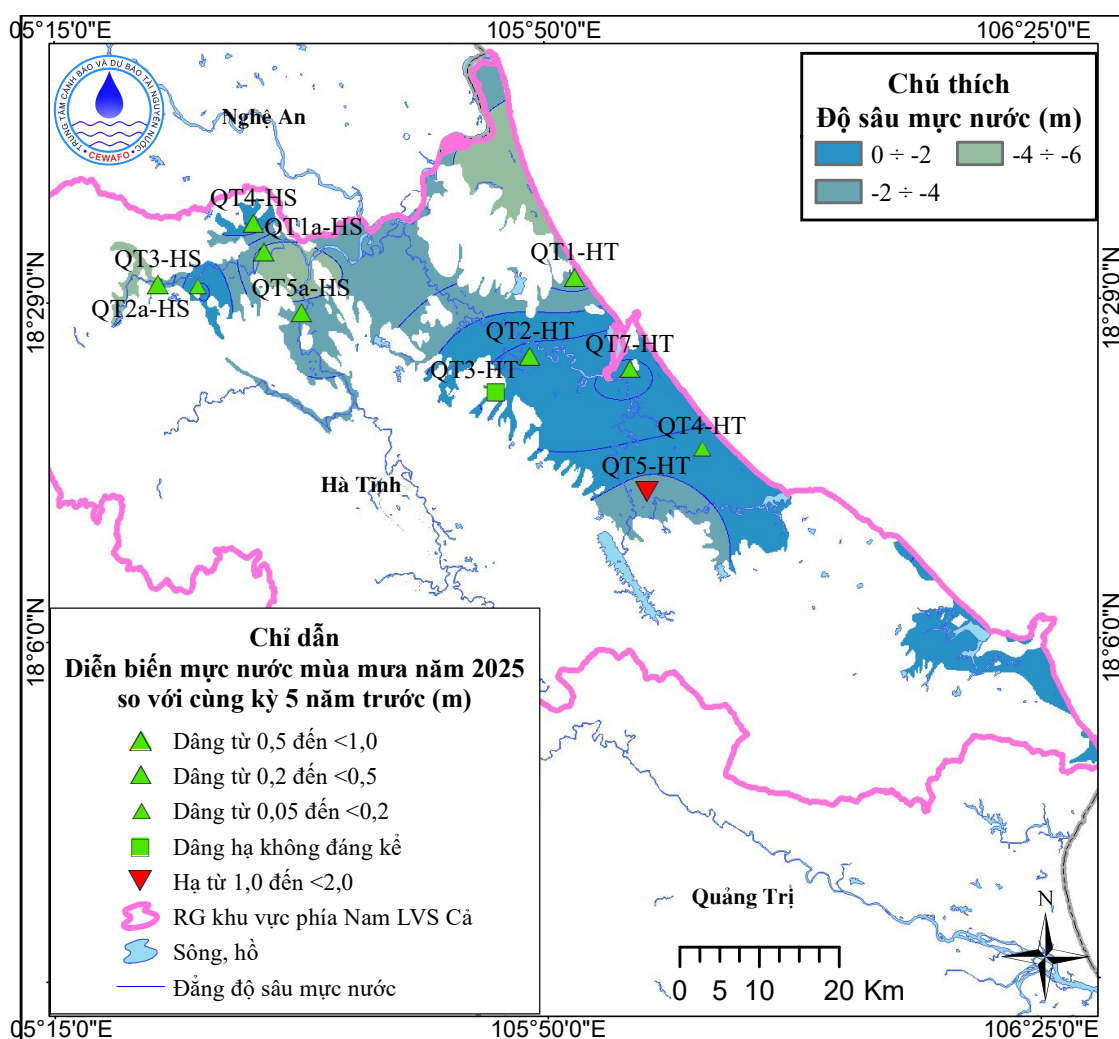
Bảng 1. Giá trị dâng, hạ mực nước cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2024)	Dâng	1,33	xã Cẩm Bình (QT5-HT)	0,65	xã Lộc Hà (QT1-HT)

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
5 năm trước (2020)	Dâng	1,41	xã Cẩm Bình (QT5-HT)	0,96	xã Sơn Giang (QT3-HS)



Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa mưa năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa mưa năm 2025 so với cùng kỳ 5 năm trước

1.2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene (qp)

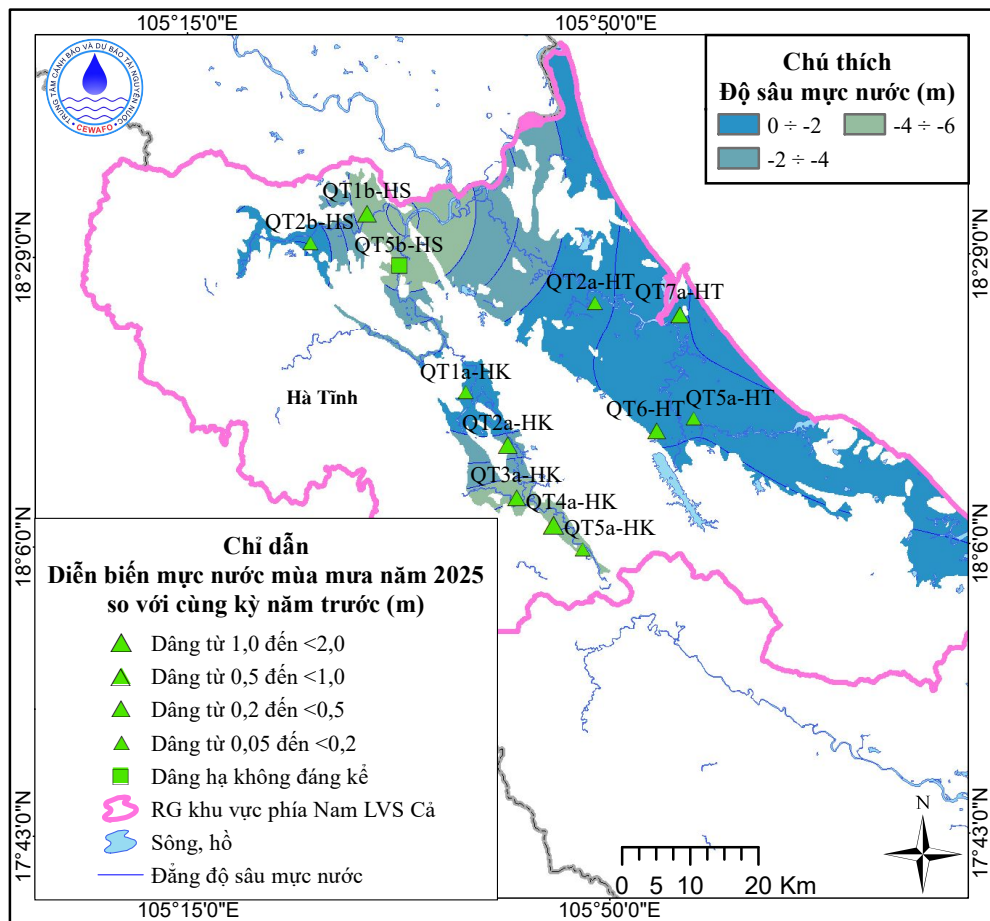
Trong mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025: Mực nước tháng trung bình nông nhất là -0,06m tại xã Thạch Khê (QT7a-HT) và sâu nhất là -5,69m tại xã Phúc Trạch (QT5a-HK).

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình mùa khô so với cùng thời điểm 5 năm trước cho thấy mực nước suy giảm lớn nhất là 0,01m tại xã Phúc Trạch. Chi tiết được thể hiện trong bảng và hình sau.

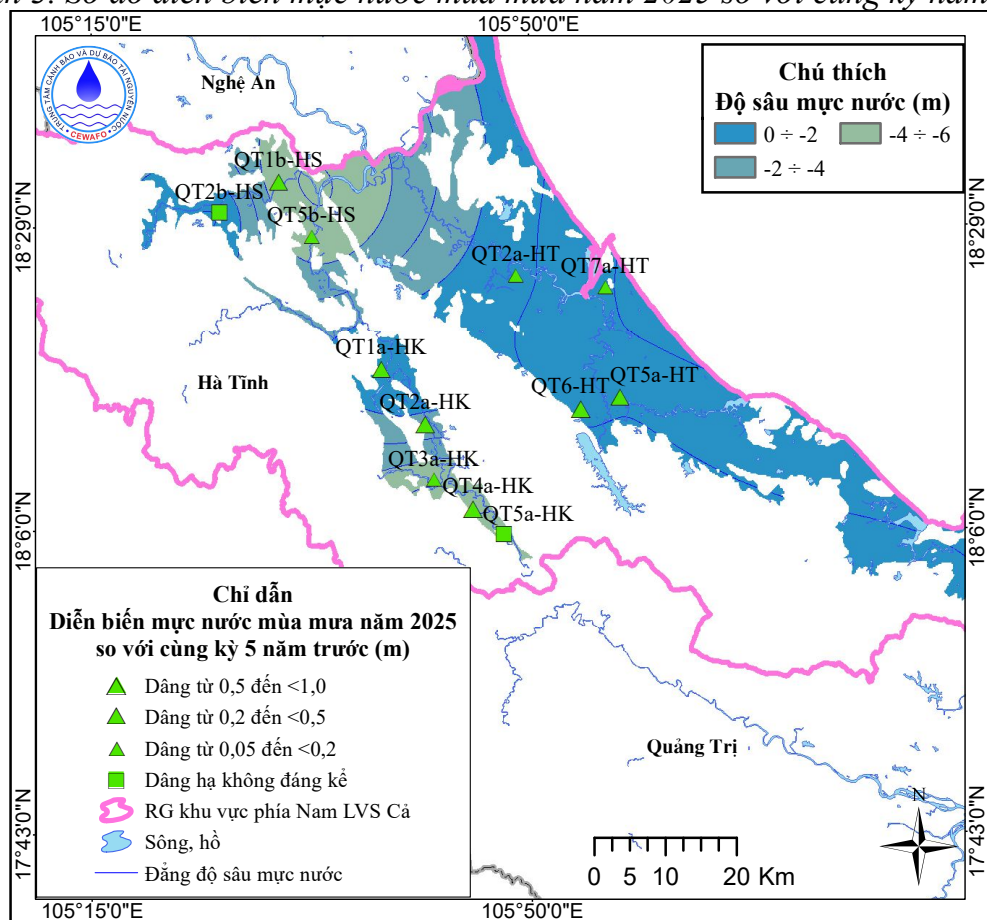
Bảng 2. Giá trị dâng, hạ mực nước cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2024)	Dâng	-	-	1,03	xã Phúc Trạch (QT4a-HK)
5 năm trước (2020)	Dâng	0,01	xã Phúc Trạch (QT5a-HK)	0,97	xã Hương Phố (QT2a-HK)

Ghi chú: Kí hiệu “-” là không có giá trị/địa điểm.



Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa mưa năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



Hình 4. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa mưa năm 2025 so với cùng kỳ 5 năm trước

1.2.2.3. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Trias giữa (t₂)

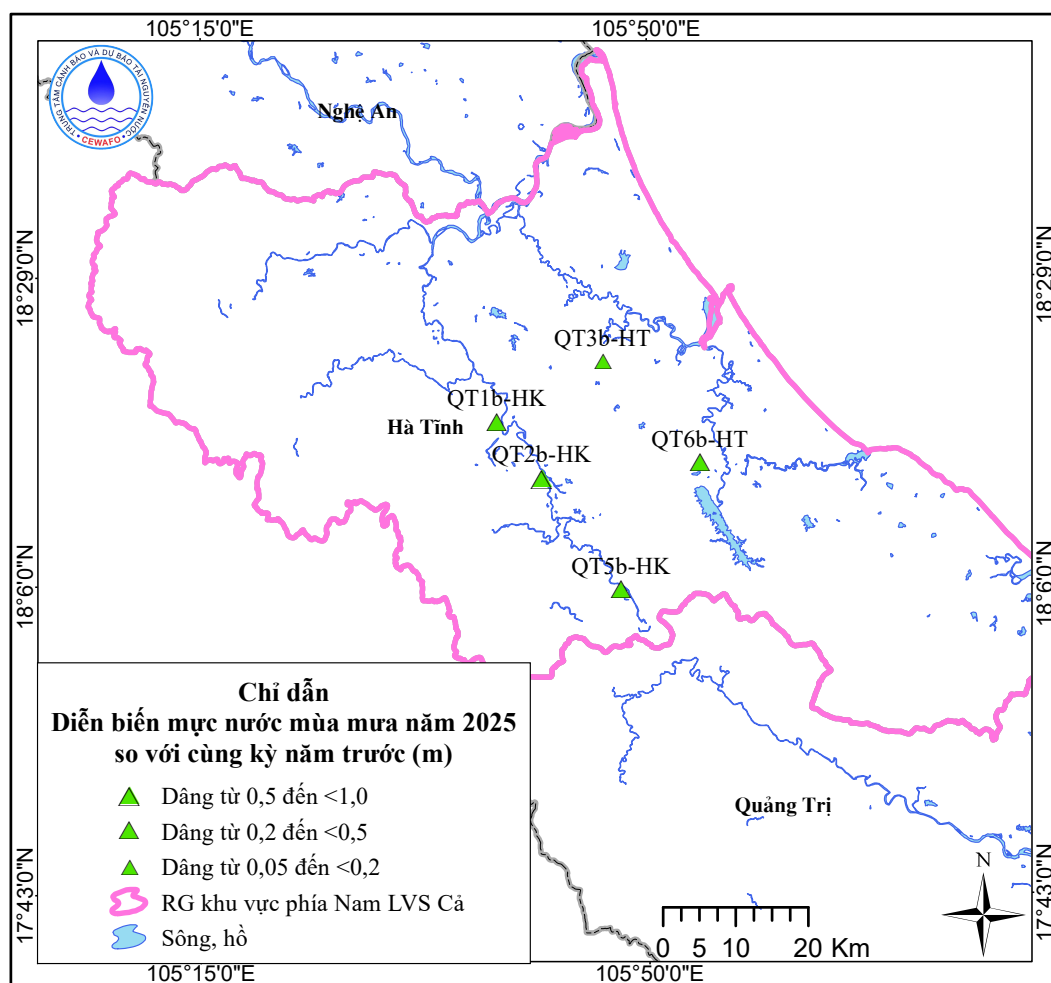
Trong mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025: Mức nước tháng trung bình nông nhất là -0,52m tại xã Cẩm Duệ (QT6b-HT) và sâu nhất là -5,72m tại xã Phúc Trạch (QT5b-HK).

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình mùa khô so với cùng thời điểm 5 năm trước cho thấy mực nước suy giảm lớn nhất là 0,18m tại xã Phúc Trạch. Chi tiết được thể hiện trong bảng và hình sau.

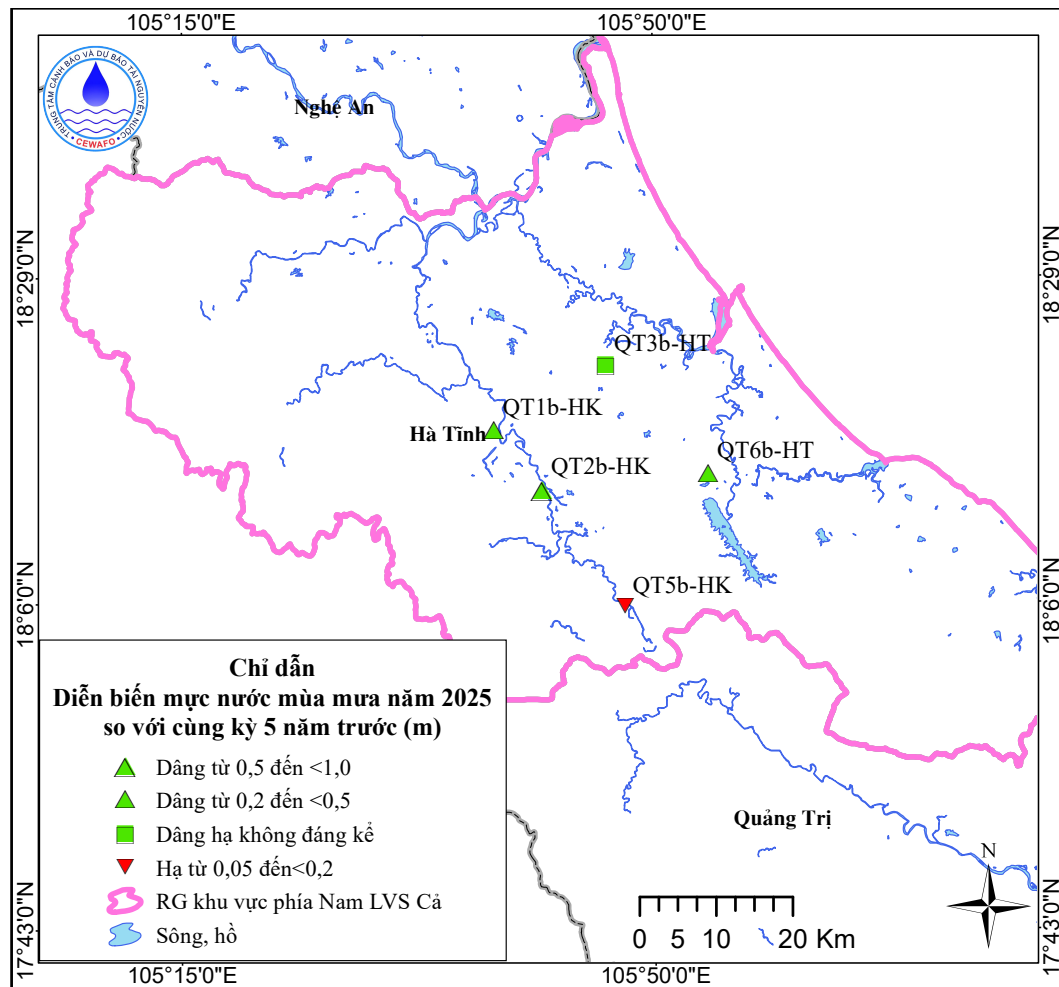
Bảng 3. Giá trị dâng, hạ mực nước cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2024)	Dâng	-	-	0,94	xã Hương Phố (QT2b-HK)
5 năm trước (2020)	Dâng	0,18	xã Phúc Trạch (QT5b-HK)	0,51	xã Hương Phố (QT2b-HK)

Ghi chú: Kí hiệu “-” là không có giá trị/địa điểm.



Hình 5. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa mưa năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



Hình 6. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa mưa năm 2025 so với cùng kỳ 5 năm trước

1.2.2.4. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)

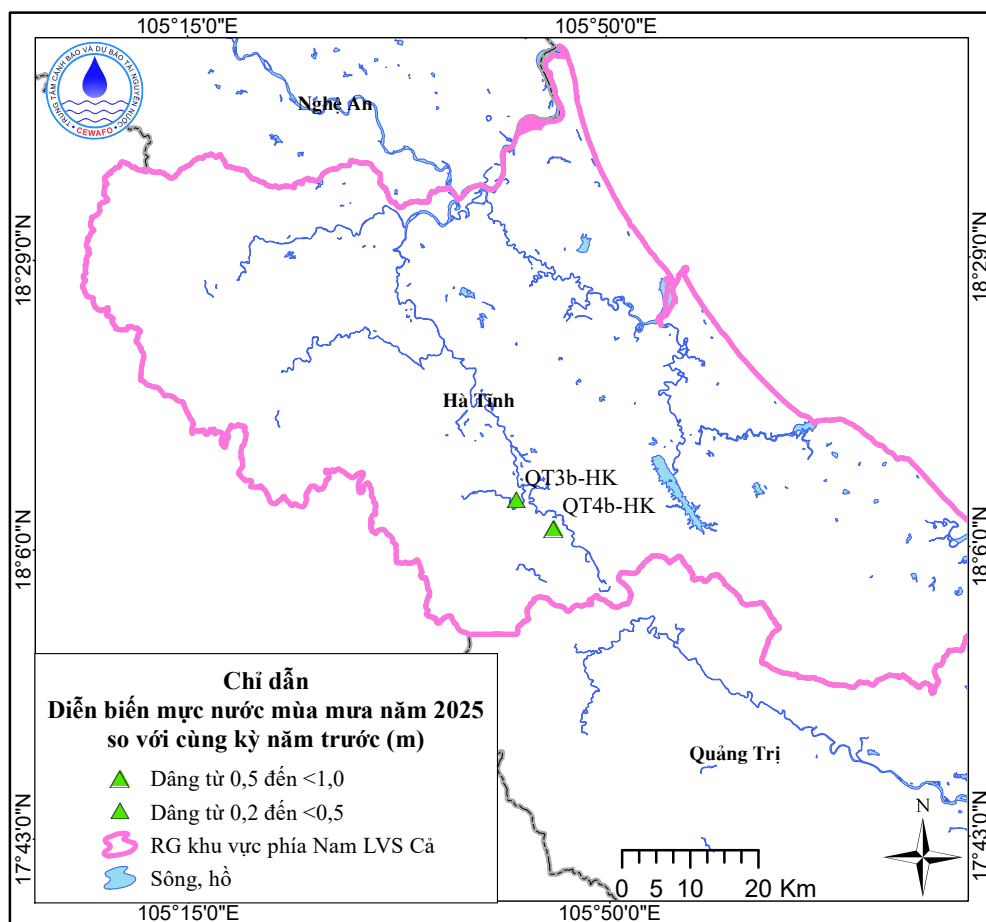
Trong mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025: Mực nước tháng trung bình nông nhất là -4,51m tại xã Hương Khê (QT3b-HK) và sâu nhất là -4,57m tại xã Phúc Trạch (QT4b-HK).

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình mùa khô so với cùng thời điểm 1 năm và 5 năm trước cho thấy mực nước không có sự suy giảm. Chi tiết được thể hiện trong bảng và hình sau.

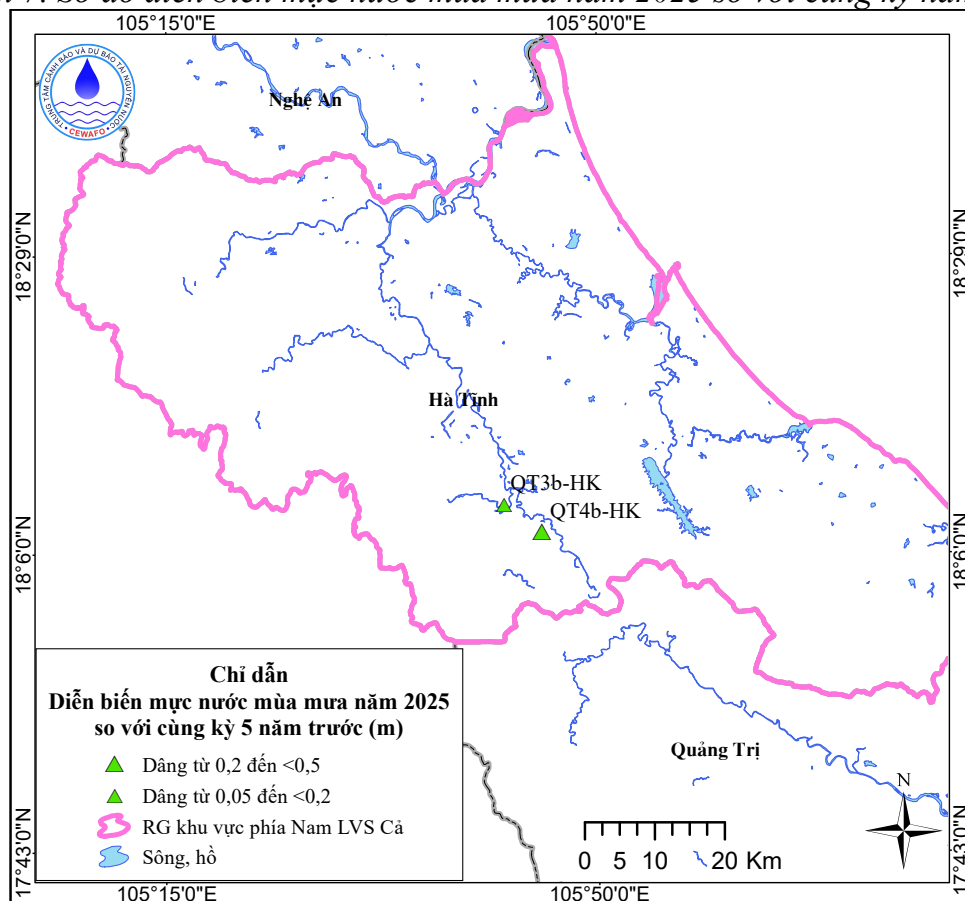
Bảng 4. Giá trị dâng, hạ mực nước cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2024)	Dâng	-	-	0,79	xã Phúc Trạch (QT4b-HK)
5 năm trước (2020)	Dâng	-	-	0,40	xã Phúc Trạch (QT4b-HK)

Ghi chú: Kí hiệu “-” là không có giá trị/địa điểm.



Hình 7. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa mưa năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



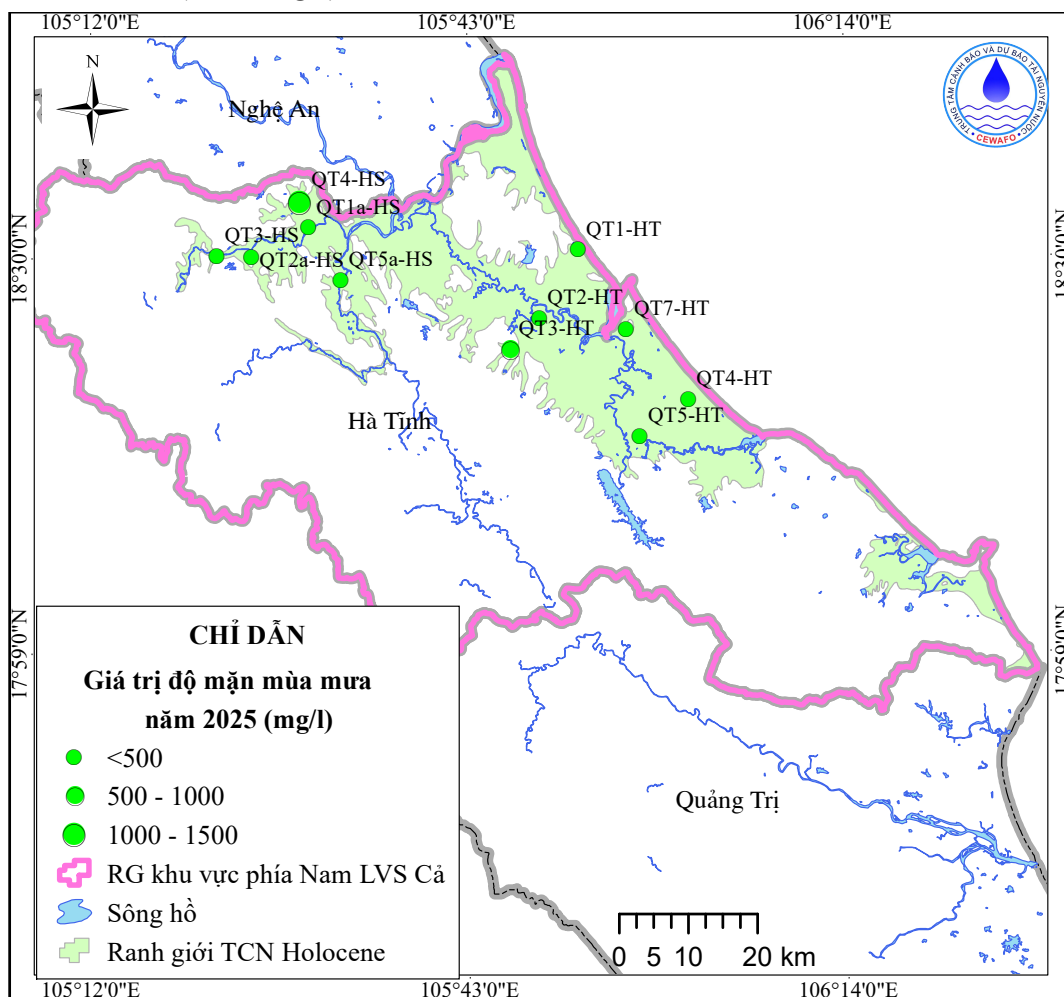
Hình 8. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa mưa năm 2025 so với cùng kỳ 5 năm trước

1.2.3. Chất lượng nước dưới đất

1.2.3.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2025 tại các công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước trong tầng thuộc nước nhạt, theo QCVN 09:2023/BTNMT hầu hết các công trình đều có hàm lượng thấp hơn giá trị giới hạn (GTGH).

Thông số độ mặn (TDS): Độ mặn của nước tại các công trình quan trắc đều thấp hơn GTGH (1.500mg/l).



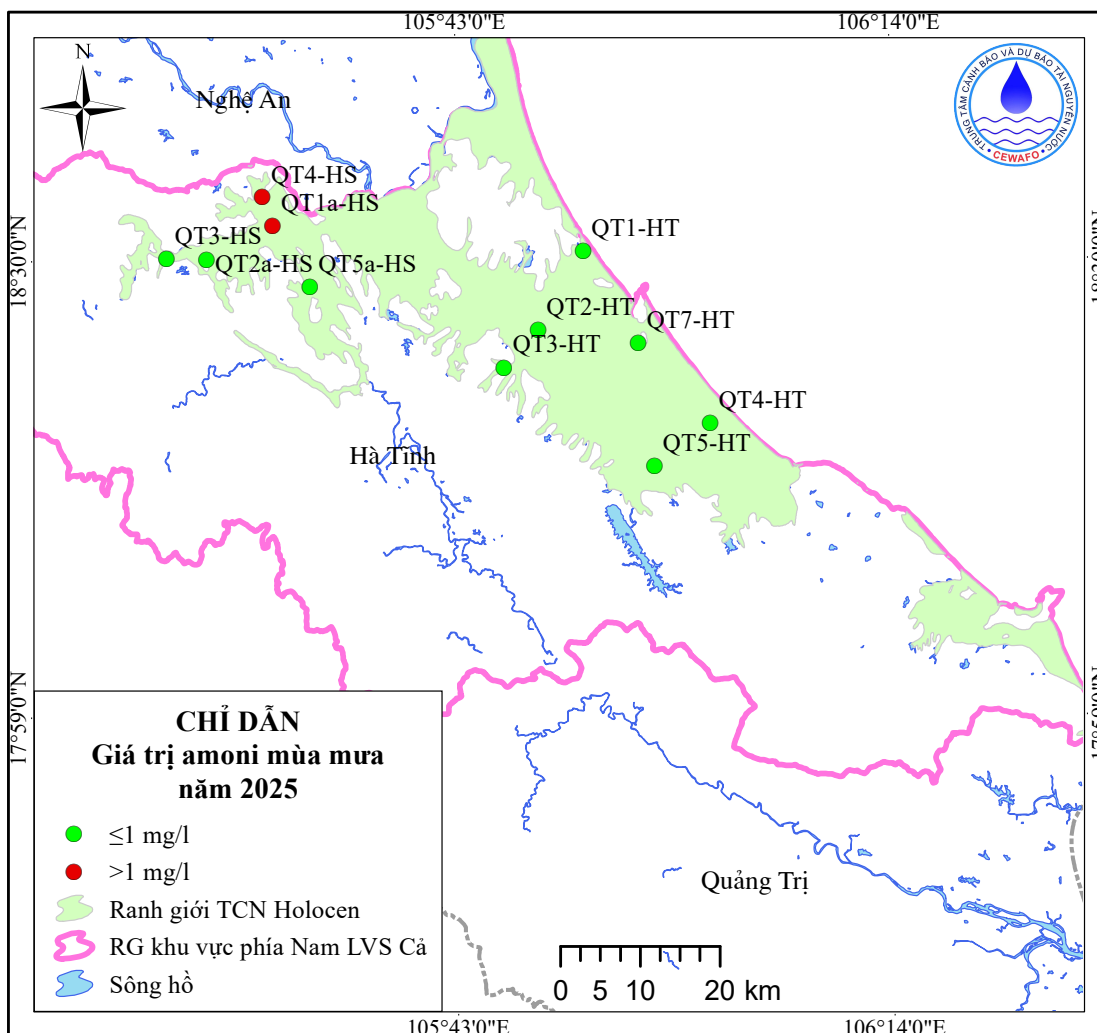
Hình 9. Sơ đồ phân bố giá trị độ mặn mùa mưa năm 2025

Các thông số vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy hầu hết các công trình đều có hàm lượng thấp hơn GTGH, tuy nhiên hàm lượng Mangan (Mn), Chì (Pb) tại một số công trình vượt GTGH, chi tiết như sau:

- **Hàm lượng Mn** vượt lớn nhất tại công trình QT4-HT (xã Yên Hoà) với giá trị là 1,02mg/l. Các công trình khác có hàm lượng Mn vượt GTGH (0,5mg/l) phân bố như sau: QT2-HT (xã Đông Kinh), QT3-HT (xã Xuân Lộc), QT3-HS (xã Sơn Giang).

- **Hàm lượng Pb** vượt lớn nhất tại công trình QT5a-HS (xã Đức Thọ) với giá trị là 0,02mg/l. Công trình khác có hàm lượng Pb vượt GTGH (0,01mg/l) phân bố tại xã Cẩm Bình (QT5-HT)

Thông số Amoni (NH_4): Theo kết quả phân tích cho thấy hầu hết các công trình đều có hàm lượng thấp hơn GTGH, tuy nhiên có hai công trình có hàm lượng vượt quá GTGH. Hàm lượng vượt lớn nhất tại công trình QT1a-HS (xã Hương Sơn) với giá trị là 10,97mg/l. Công trình khác có hàm lượng NH_4 vượt GTGH (1mg/l) phân bố tại xã Sơn Tiến (QT4-HS).

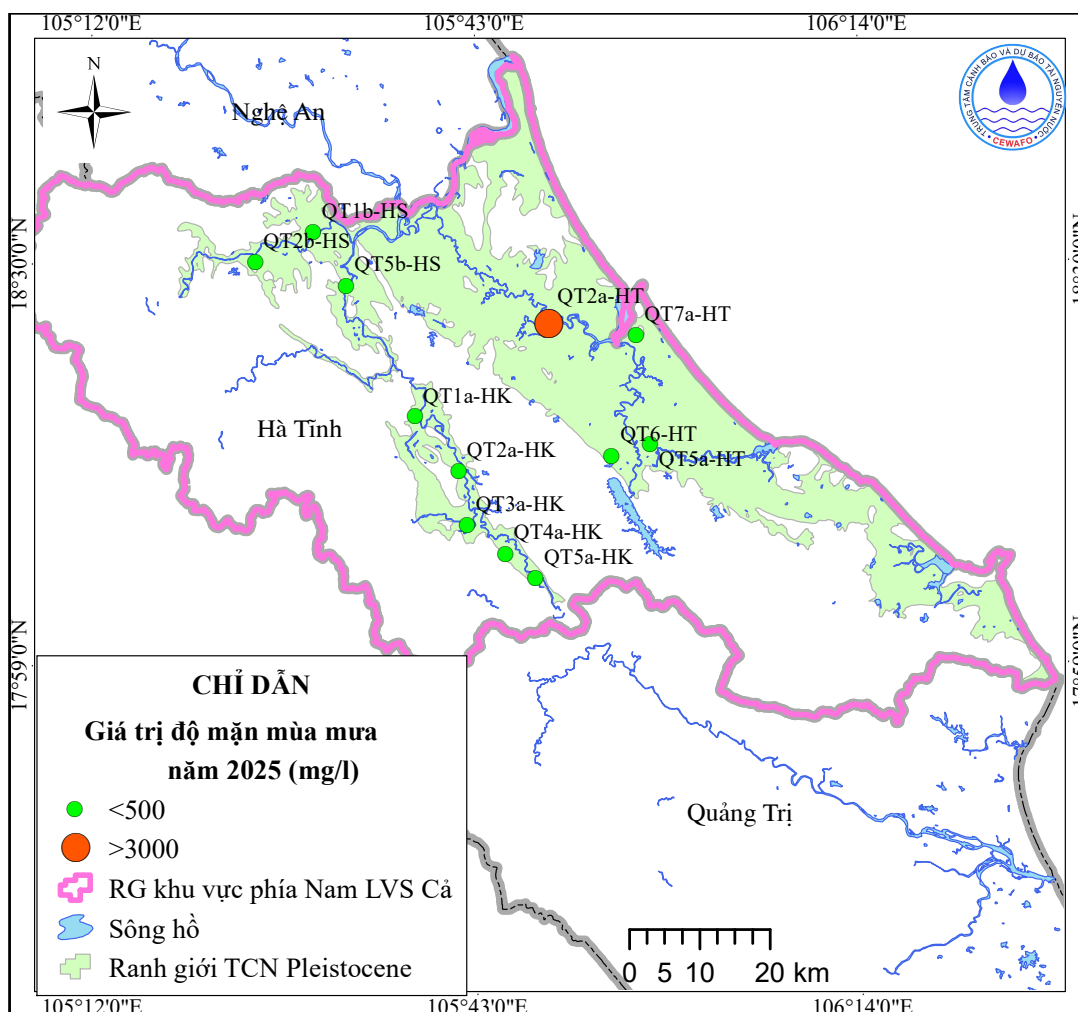


Hình 10. Sơ đồ phân bố giá trị amoni mùa mưa năm 2025

1.2.3.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene (qp)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2025 tại các công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước trong tầng thuộc nước nhạt đến mặn, theo QCVN 09:2023/BTNMT hầu hết các công trình đều có hàm lượng thấp hơn giá trị giới hạn (GTGH).

Thông số độ mặn (TDS): Độ mặn của nước tại các công trình quan trắc hầu hết đều thấp hơn GTGH. Có 1 công trình có hàm lượng vượt GTGH (1.500mg/l) phân bố tại xã Đông Kinh (QT2a-HT) với giá trị là 6.730mg/l.



Hình 11. Sơ đồ phân bố giá trị độ mặn mùa mưa năm 2025

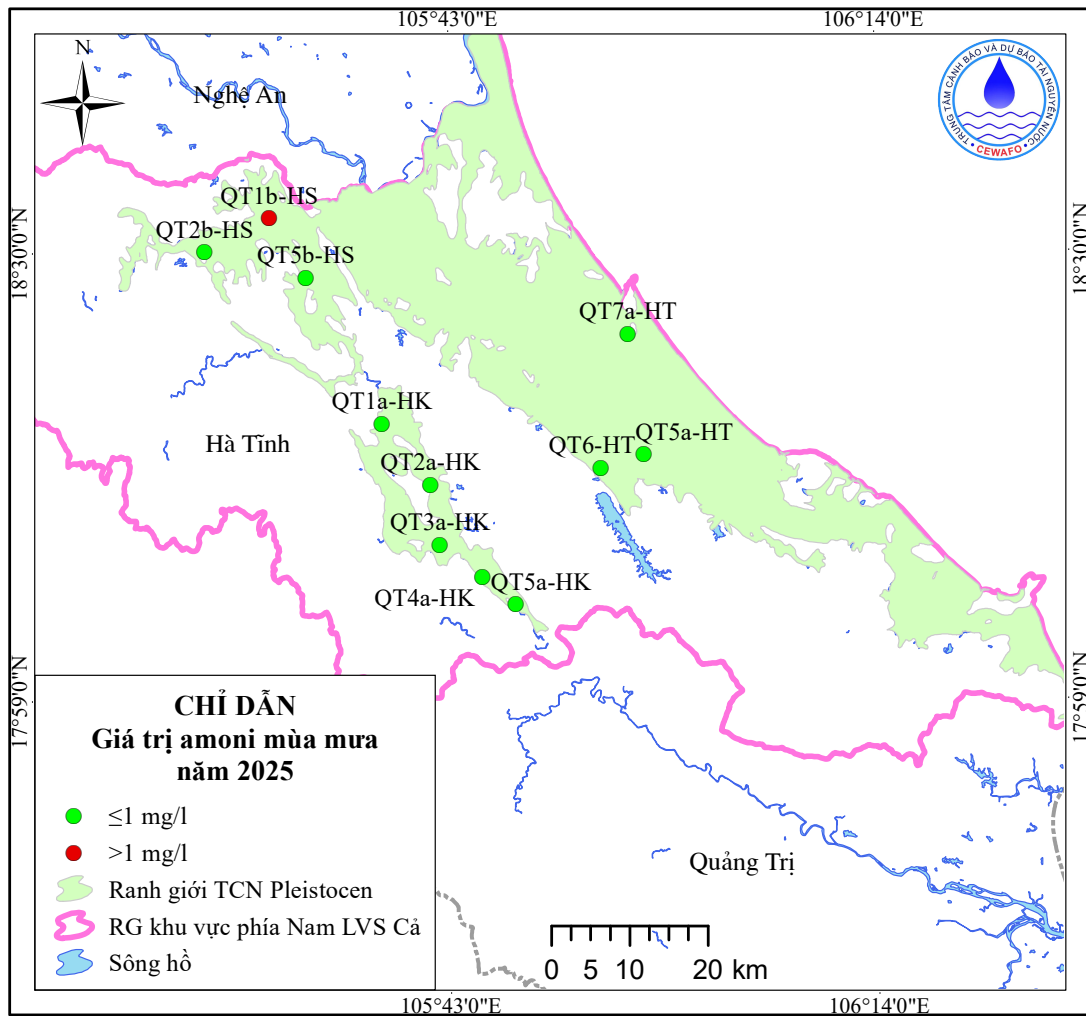
Các thông số vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy hầu hết các công trình đều có hàm lượng thấp hơn GTGH, tuy nhiên hàm lượng Mangan (Mn), Arsenic (As) và Chì (Pb) tại một số công trình vượt GTGH, chi tiết như sau:

- *Hàm lượng Mn* vượt tại công trình QT5a-HT (xã Cẩm Bình) với giá trị là 4,87mg/l.

- *Hàm lượng As* vượt lớn nhất tại công trình QT7a-HT (xã Thạch Khê) với giá trị là 0,42mg/l. Công trình khác có hàm lượng As vượt GTGH (0,05mg/l) phân bố tại QT1b-HS (xã Hương Sơn).

- *Hàm lượng Pb* vượt lớn nhất tại công trình QT2b-HS (xã Hương Sơn) với giá trị là 0,07mg/l. Công trình khác có hàm lượng Pb vượt GTGH (0,01mg/l) phân bố tại xã Hải Linh (QT1a-HK).

Thông số Amoni (NH_4): Theo kết quả phân tích cho thấy có một công trình QT1b-HS (xã Hương Sơn) vượt GTGH (1mg/l) với giá trị là 1,37mg/l.

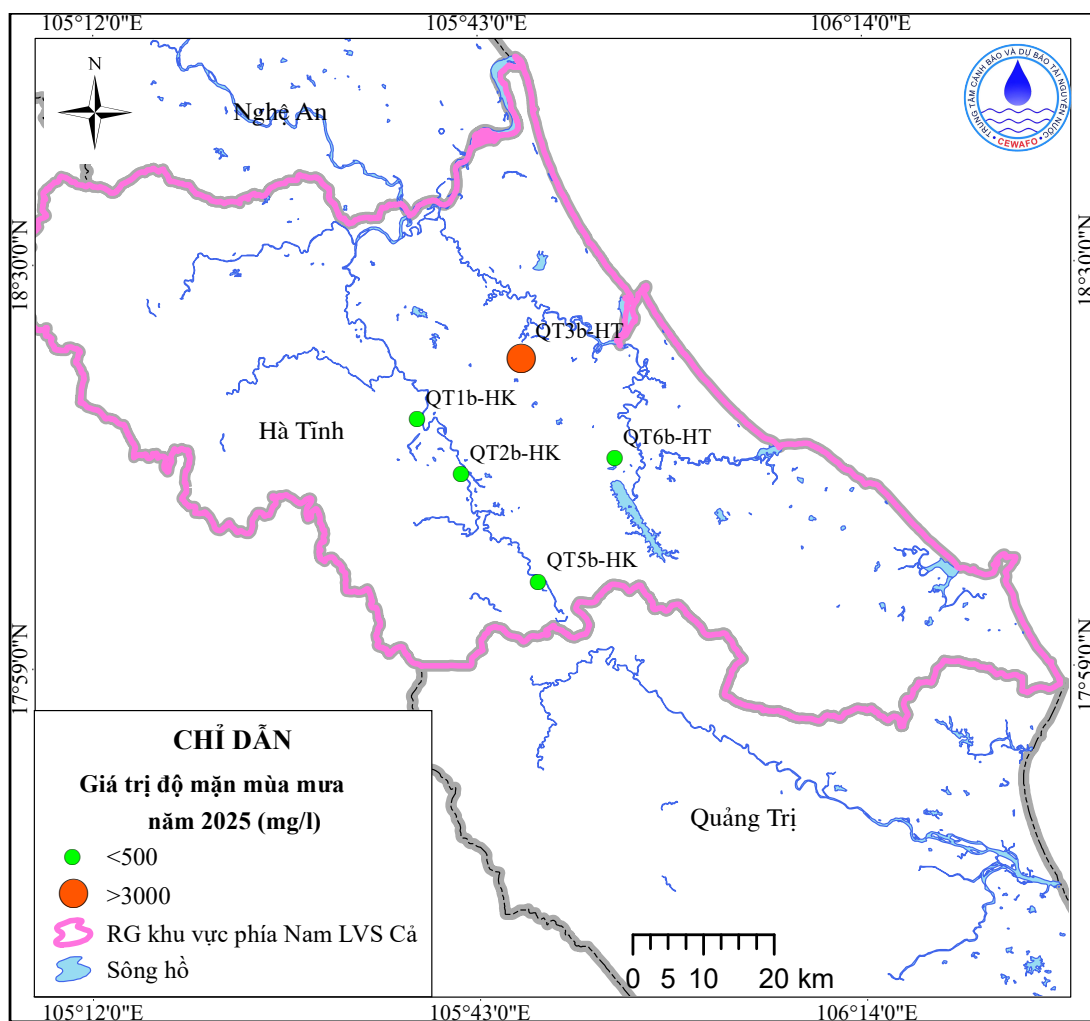


Hình 12. Sơ đồ phân bố giá trị amoni mùa mưa năm 2025

1.2.3.3. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Trias giữa (t₂)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2025 tại các công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước trong tầng thuộc nước nhạt đến mặn, theo QCVN 09:2023/BTNMT hầu hết các công trình đều có hàm lượng thấp hơn giá trị giới hạn (GTGH).

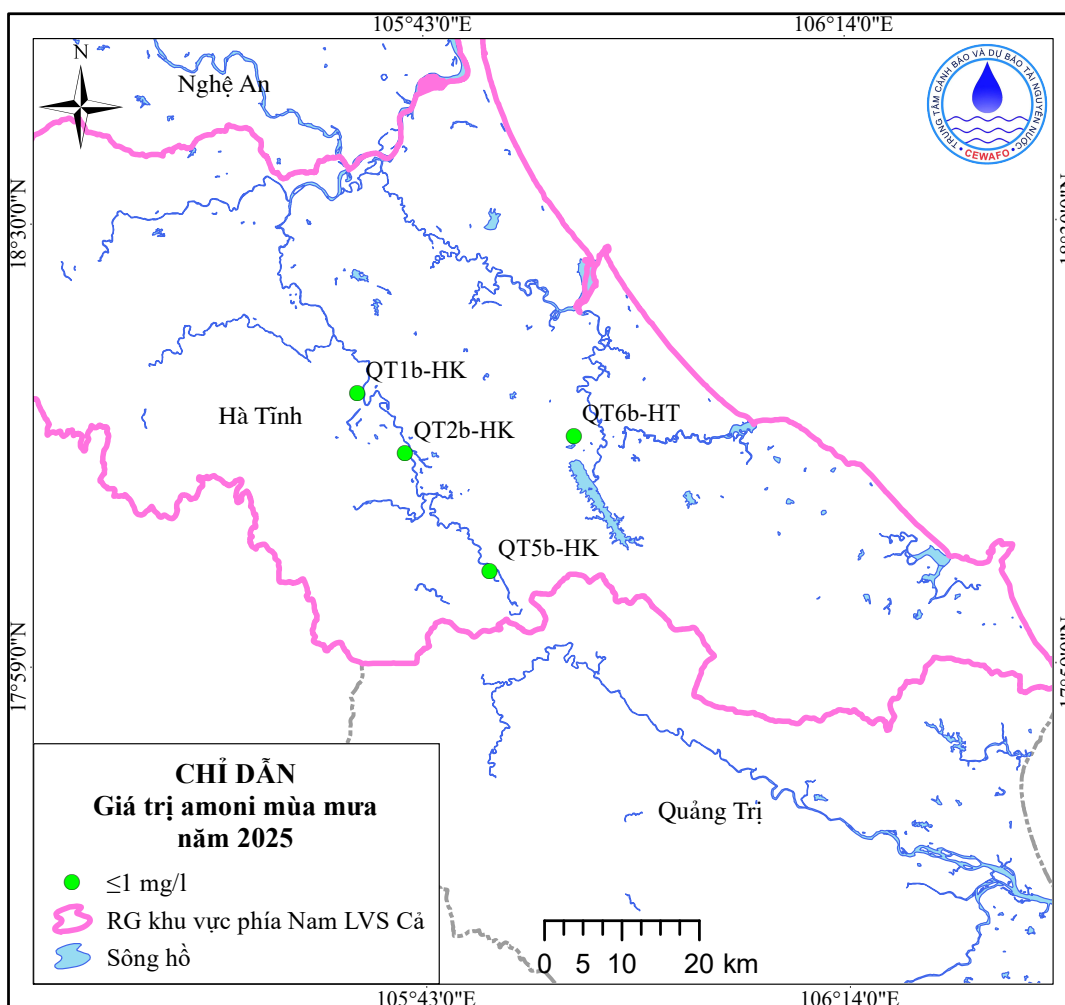
Thông số độ mặn (TDS): Độ mặn của nước tại các công trình quan trắc hầu hết đều thấp hơn GTGH. Có 1 công trình có hàm lượng vượt GTGH (1.500mg/l) phân bố tại xã Xuân Lộc (QT3b-HT) với giá trị là 6.608mg/l.



Hình 13. Sơ đồ phân bố giá trị độ mặn mùa mưa năm 2025

Các thông số vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy các công trình đều có hàm lượng thấp hơn giá trị giới hạn.

Thông số Amoni (NH_4): Theo kết quả phân tích cho thấy các công trình đều có hàm lượng thấp hơn giá trị giới hạn.



Hình 14. Sơ đồ phân bố giá trị amoni mùa mưa năm 2025

1.2.3.4. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)

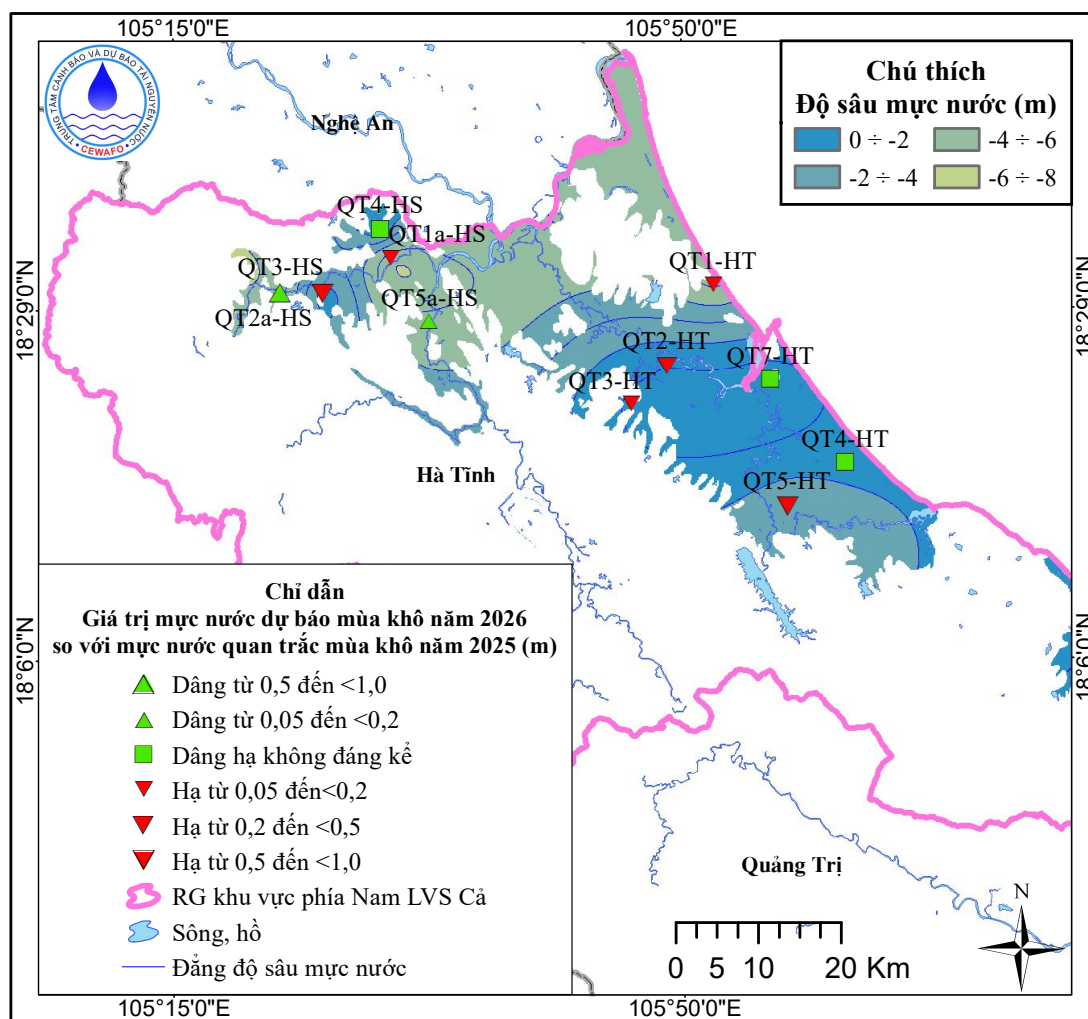
Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2025 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại lưu vực sông cho thấy nước trong tầng thuộc loại nước nhạt. Các thông số vi lượng và amoni không vượt quá giá trị giới hạn

II. CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC

2.1. Dự báo nguồn nước dưới đất

2.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

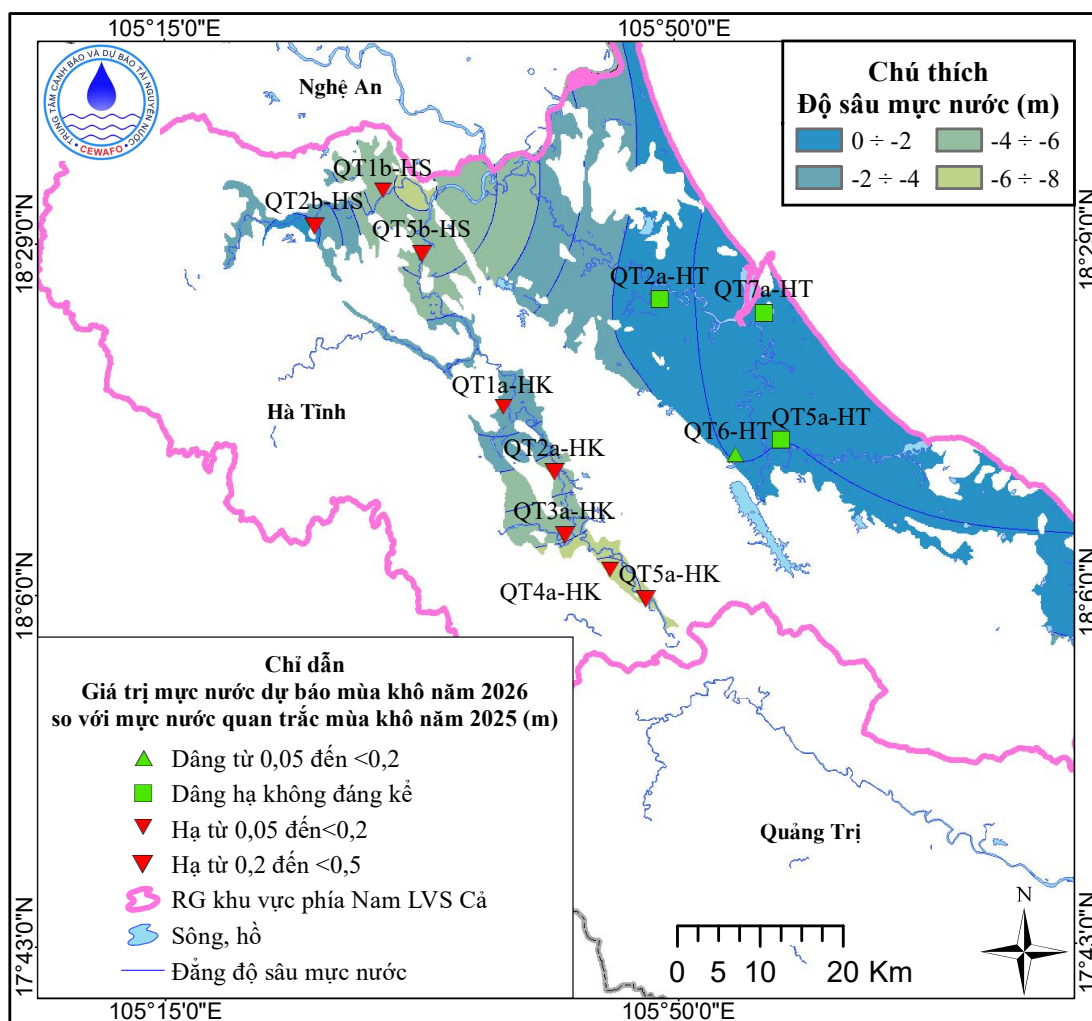
Diễn biến mực nước dưới đất dự báo mùa khô năm 2026 so với mực nước quan trắc cùng kỳ năm 2025 có 6/11 công trình mực nước hạ, 2/11 công trình mực nước dâng và 3/11 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Mực nước hạ từ 0,5 đến 1m tập trung ở xã Cẩm Bình và xã Hương Sơn.



Hình 15. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng qh

2.1.2. Tầng chứa nước lỗ hồng trong trầm tích Pleistocene (qp)

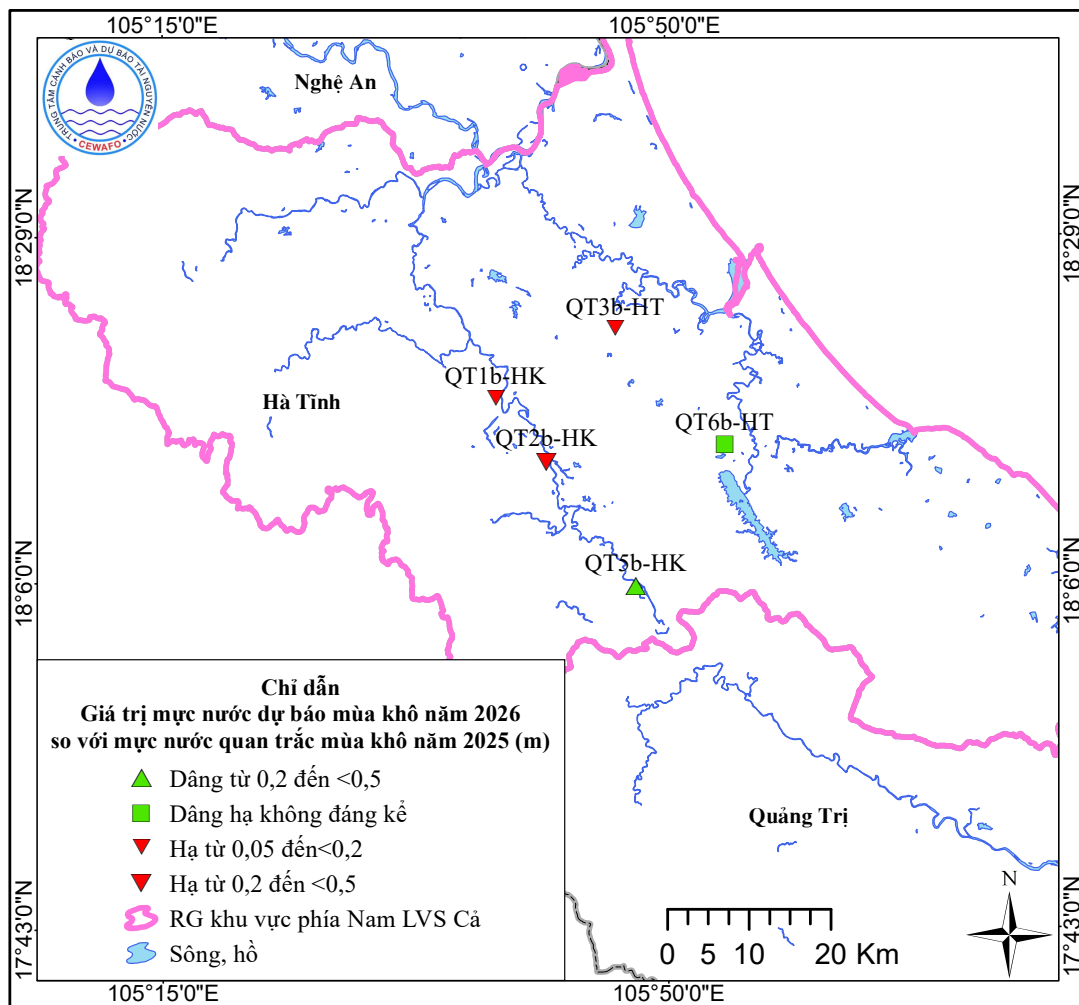
Diễn biến mực nước dưới đất dự báo mùa khô năm 2026 so với mực nước quan trắc cùng kỳ năm 2025 có 8/12 công trình mực nước hạ, 1/12 công trình mực nước dâng và 3/12 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Mực nước hạ từ 0,2 đến 0,5m tập trung ở xã Hương Phố, xã Hương Khê, xã Hương Sơn, xã Phúc Trạch, xã Đức Thọ.



Hình 16. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng q_p

2.1.3. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Trias giữa (t₂)

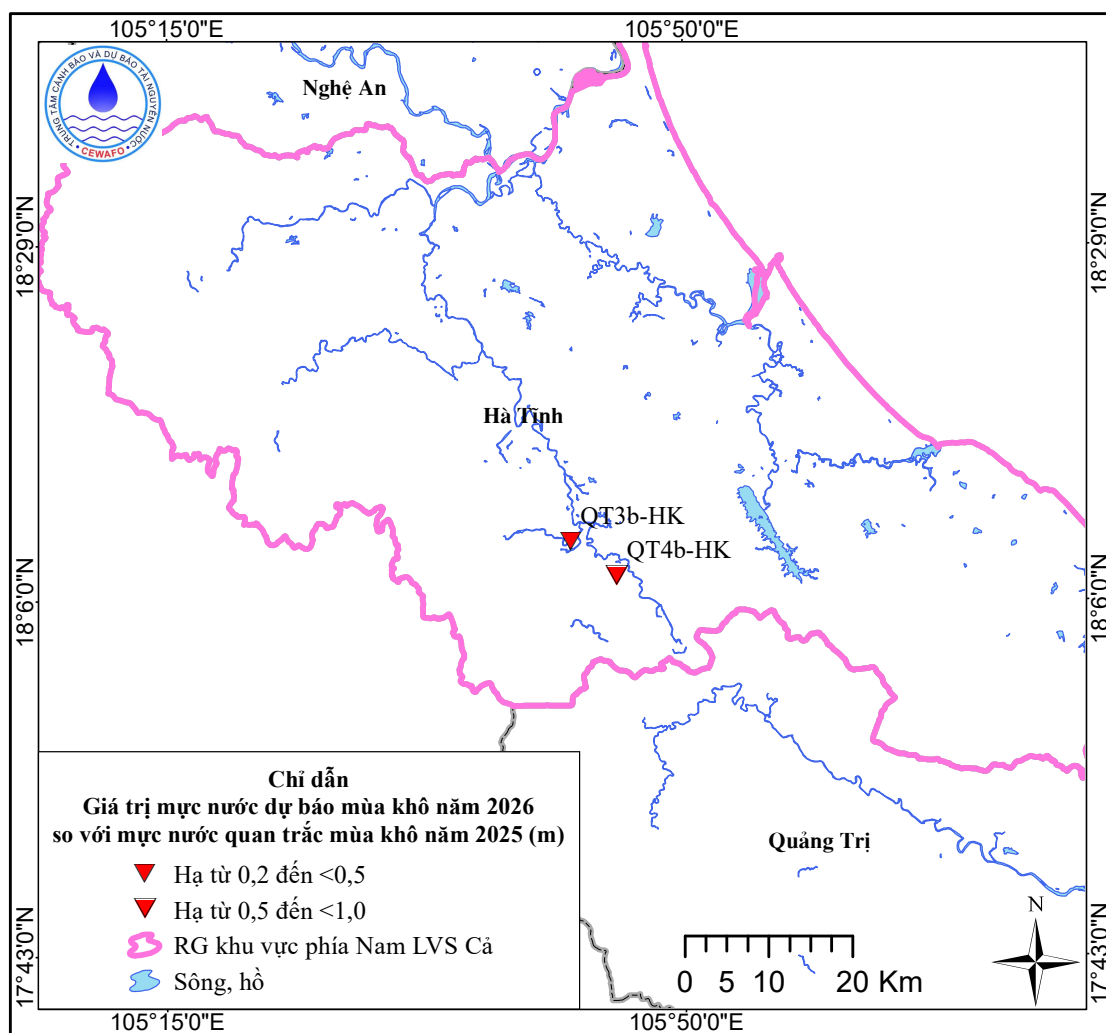
Diễn biến mực nước dưới đất dự báo mùa khô năm 2026 so với mực nước quan trắc cùng kỳ năm 2025 có 3/5 công trình mực nước hạ, 1/5 công trình mực nước dâng và 1/5 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Mực nước hạ từ 0,2 đến 0,5m tập trung ở xã Hương Phố.



Hình 17. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng t_2

2.1.4. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)

Diễn biến mực nước dưới đất dự báo mùa khô năm 2026 so với mực nước quan trắc cùng kỳ năm 2025 có 2/2 công trình mực nước hạ. Mực nước dâng từ 0,5 đến 1m tập trung ở xã Phúc Trạch.



Hình 18. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng c-p

2.2. Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước dưới đất

Dự báo mực nước dưới đất mùa khô năm 2026 so với mực nước quan trắc cùng kỳ năm 2025 có xu thế hạ tại tầng chứa nước qh và qp, t₂, c-p.

Các công trình thuộc lưu vực sông thời điểm hiện tại không có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo. Nước trong khu vực phía Nam lưu vực sông Cả thuộc loại nước nhạt đến mặn, vùng lợ và mặn phân bố chủ yếu ở một vài công trình, một số công trình có hàm lượng Mn, Pb, As và NH₄⁺ vượt GTGH theo QCVN 09:2023/BTNMT

2.3. Cảnh báo nguồn nước dưới đất

Theo Điều 32 của Nghị định 53/2024/NĐ-CP về xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất, trong khu vực phía Nam lưu vực sông Cả thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện tại, trên phạm vi khu vực phía Nam lưu vực sông Cả chưa có công trình thuộc diện phải cảnh báo, để đảm bảo khai thác ổn định, cần theo dõi chặt chẽ diễn

biến mực nước dưới đất trong các tầng chứa nước trong lưu vực sông và các bản tin dự báo tiếp theo để phục vụ quản lý, khai thác hiệu quả nguồn nước dưới đất.

Đa số các thông số chất lượng nước trên lưu vực sông nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 09:2023/BTNMT. Tuy nhiên một số công trình có thông số vượt GTGH, tập trung ở tầng chứa nước Holocen (qh) và Pleistocen (qp). Các thông số vượt chủ yếu bao gồm độ mặn, Mangan, Arsenic, Chì và Amoni. Một số khu vực đáng chú ý gồm:

+ Tầng qh: Mangan vượt lớn nhất tại xã Yên Hoà (QT4-HT); Chì vượt lớn nhất tại xã Đức Thọ (QT5a-HS); Amoni vượt lớn nhất tại xã Hương Sơn (QT1a-HS).

+ Tầng qp: Mangan vượt tại xã Cẩm Bình (QT5a-HT); Chì vượt tại xã Hương Sơn (QT2b-HS); Arsenic vượt lớn nhất tại xã Thạch Khê (QT7a-HT); Amoni vượt tại xã Hương Sơn (QT1b-HS).

Đề nghị các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương:

- Rà soát, cập nhật thông tin chất lượng nước tại các khu vực trên;
- Kịp thời ban hành cảnh báo và hướng dẫn người dân sử dụng nước an toàn.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về:

Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: Số 10 ngõ 42 Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.

Email: ttqhdtnnqg_bkth@mae.gov.vn

Bản tin được đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn

PHỤ LỤC
GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(QCVN 09:2023/BTNMT)

	TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate (NO_3^- tính theo Nitơ)	mg/l	15
	4	Amoni (NH_4^+ tính theo Nitơ)	mg/l	1
	5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	6	Độ cứng (tính theo CaCO_3)	mg/l	500
	7	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	8	Chloride (Cl^-)	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	9	Nitrite (NO_2^- tính theo Nitơ)	mg/l	1
	10	Fluoride (F^-)	mg/l	1
	11	Sulfate (SO_4^{2-})	mg/l	400
	12	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	13	Cyanide (CN^-)	mg/l	0,01
	14	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	15	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	16	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	17	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	18	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	19	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	20	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	21	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	22	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	23	Aldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6$)	mg/l	0,0001
	24	Lindane ($\text{C}_6\text{H}_6\text{Cl}_6$)	mg/l	0,00002
	25	Dieldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6\text{O}$)	mg/l	0,0001
	26	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis (4-chlorobenzene) ($\text{C}_{14}\text{H}_9\text{Cl}_5$)	mg/l	0,001
	27	Heptachlor & Heptachlorepoxyde ($\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7$ & $\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7\text{O}$)	mg/l	0,001
	28	Diazinon ($\text{C}_{12}\text{H}_{21}\text{N}_2\text{O}_3\text{PS}$)	mg/l	0,02
	29	Parathion ($\text{C}_{10}\text{H}_{14}\text{NO}_5\text{PS}$)	mg/l	0,06
	30	Phenol ($\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$)	mg/l	0,001
	31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
	33	E. Coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện